

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **91/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-7-2024.

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất

Ông Đinh Xuân Dậu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Lương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 350/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2024 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1958

Trú tại: số C, tổ A, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị S, sinh năm 1958

Trú tại: số C, tổ A, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn M, trình bày:*

Ông và bà Trần Thị S tự nguyện tìm hiểu nhau, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T cũ nay là huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 11/12/1984.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường, nhưng khoảng từ năm 2008 thì xảy ra nhiều bất bình, cãi vã đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn và ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân chính là do ông bà không có tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia

sẻ, tôn trọng nhau. Bà S thường dùng những lời lẽ miệt thị, xúc phạm ông, mâu thuẫn về tiền bạc trong sinh hoạt hằng ngày. Ông và bà S đã sống ly thân gần 08 năm nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông và bà S có 02 con chung là Nguyễn Trần Minh H, sinh năm 1985 và Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1988 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Bị đơn – bà Trần Thị S:* Có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp bản tự khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói chung từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm đến ai. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân gần 08 năm nay. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho ông M được ly hôn với bà S; Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Trần Minh H, sinh năm 1985 và Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1988 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông M khai không có, không yêu cầu giải quyết, do không có lời khai của bà S nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Ông M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trần Thị S hiện đang cư trú tại số C, tổ A, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn – bà Trần Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng không đến Tòa án làm việc mà có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bên cạnh đó, nguyên đơn – ông M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T cũ nay là huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 11/12/1984, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến đối với những yêu cầu khởi kiện của ông M mà chỉ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng khi không có sự hợp tác của bà S. Tại bản tự khai của nguyên đơn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu trong sinh hoạt hàng ngày do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm, chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau, hiện tại ông bà đã sống ly thân gần 08 năm, phần ai nấy sống. Do đó, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà S là có thật, bà S không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

[2.2]. Về con chung: Ông M và bà S có 02 con chung là Nguyễn Trần Minh H, sinh năm 1985 và Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1988 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông M không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Bà S vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Ông M trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết. Bà S vắng mặt không có ý kiến nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Ông M được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 147, 220, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

1. Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Trần Thị S.

2. Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Trần Minh H, sinh năm 1985 và Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1988 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Báo cho ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị S biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Giang Điền;
(GCNKH số 112 ngày 11/12/1984)
- VKSND H.Trảng Bom;
- CC.THADS H.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung